

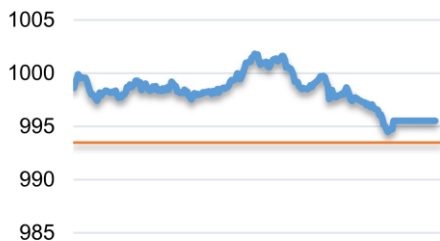
Market Today: Thanh khoản đạt mức cao nhất trong tháng 09/2018

19/09/2018

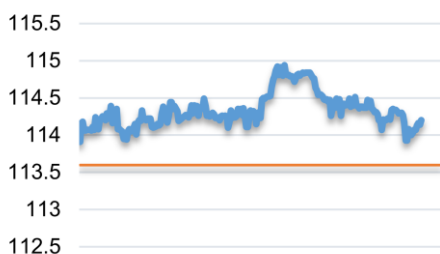
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	995.54	114.20	52.46
% ngày	0.21	0.53	0.93
% tuần	0.86	2.29	1.95
% tháng	2.75	5.72	1.93
% năm	23.53	9.05	(3.64)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,718	630	283
Hôm qua	3,257	564	210
TB 1 tháng	3,481	614	195
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	589.25	47.68	32.85
Bán	546.70	22.01	75.84
Giá trị ròng	42.55	25.67	(42.99)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	160	75	100
Mã Giảm	110	77	58
Không Đổi	83	232	576
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.9x	10.9x	9.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,176	201	865
LS Cổ tức	2.09	2.34	3.95

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

**VNINDEX**



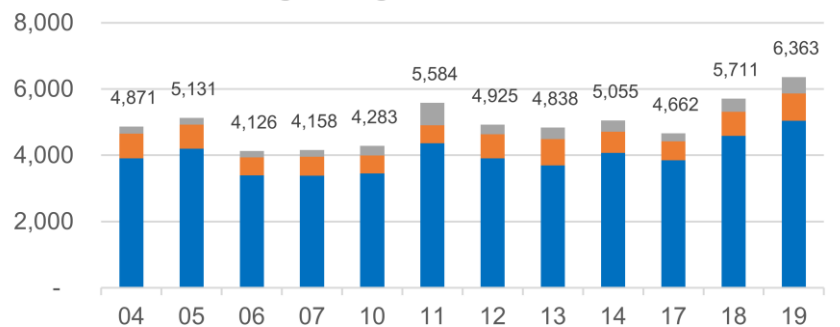
**HNX INDEX**



**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

Căng thẳng thương mại tiếp tục hạ nhiệt, TTCK châu Á khởi sắc ở nhiều chỉ số. Còn tại TTCK Việt Nam, chỉ số VN-Index sau nhiều lần chạm mốc 1,000 điểm và chịu áp lực bán trong phiên chiều làm chỉ số đóng cửa ở mức 995.5 điểm và tăng nhẹ 0.21%. Đối với chỉ số HNX-Index và Upcom-Index cũng có phiên tăng điểm lần lượt là 0.53% và 0.93% và dừng lại ở mức 114.2 điểm đối với chỉ số HNX-Index và 52.46 điểm đối với chỉ số Upcom-Index. Thanh khoản toàn thị trường có nhiều biến động tích cực và tăng đáng kể trong phiên hôm nay khi giá trị giao dịch toàn thị trường hơn 6,300 tỷ đồng.

**Thanh khoản trong tháng 9/2018** ■ HSX ■ HNX ■ UPCOM



Dưới áp lực chốt lời cuối phiên rất nhiều mã giảm dưới mức tham chiếu như VIC, VNM, SAB, MWG, CTG.... Tuy nhiên vẫn còn các cổ phiếu vốn hóa lớn khác như GAS, TCB, VPB, MBB, MSN vẫn duy trì được sắc xanh tốt. Riêng nhóm ngành dệt may vẫn có cổ phiếu TNG, VGT tăng cứng trần trong phiên. Nhóm bất động sản vẫn giữ vững sắc xanh vào cuối phiên.

Nhà đầu tư nước ngoài trong phiên có lượng giao dịch không quá tích cực một phần là vì cuối tuần vào ngày 21/09/2018 cũng là phiên cơ cấu danh mục chung của quỹ Van Eck Market Vector Vietnam ETF và quỹ DB x-trackers FTSE Vietnam ETF. Lượng mua ròng 25 tỷ đồng được khối ngoại mua ròng lớn trên sàn HSX những mã như VNM, STB, GAS, KDC, DXG.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong phiên giao dịch kế tiếp 20/09/2018. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào xu hướng tích cực hơn, nhưng dấu hiệu này vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng, điểm tích cực là dòng tiền ngắn hạn đã có triển vọng khả quan hơn cho thấy mức độ phân hóa đang là vấn đề cản trở cho khả năng vượt mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index, nguyên nhân có thể ảnh hưởng từ kỳ cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF trong tuần giao dịch này. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng trên mức 60% cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 970.52 điểm của chỉ số VN-Index và 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 62% cổ phiếu/38% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.30	GIẢM	GIẢM		17.65				19.58		
ACB	33.50	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	8.20%			36.35		
ACV	84.00	TĂNG	GIẢM	84.10	81.25	-0.12%			95.72		
ANV	21.40	TĂNG	TĂNG	18.90	19.67	13.23%			21.39		
ASM	12.70	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-4.51%			14.14		
BFC	26.90	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	83.00	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-0.72%			101.13		
BID	35.30	TĂNG	TĂNG	25.80	32.77	36.82%		33.40	27.33	5.69%	
BMP	58.80	TĂNG	GIẢM	56.20	55.94	4.63%			62.30		
BSR	18.90	TĂNG	GIẢM	18.10	16.84	4.42%			19.99		
BVH	97.50	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	1.88%		86.00	74.55	13.37%	
BWE	18.60	TĂNG	GIẢM	17.70	17.75	5.08%			19.20		
CEO	14.10	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	5.22%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	162.50	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	8.70%		161.20	140.81	0.81%	
CTG	26.80	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	11.67%			28.07		
CTI	25.00	GIẢM	GIẢM		27.64				33.12		
CVT	27.05	TĂNG	GIẢM	27.05	24.42	0.00%	MUA		29.58		
DCM	10.45	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	2.83%			10.69		
DGW	26.60	TĂNG	TĂNG	23.90	24.88	11.30%			26.51		
DHA	27.40	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	47.00	TĂNG	TĂNG	42.35	40.88	10.98%			43.77		
DHG	95.30	TĂNG	GIẢM	95.30	95.07	0.00%	MUA		104.51		
DPG	53.50	TĂNG	TĂNG	40.90	49.54	30.81%		52.00	38.30	2.88%	
DPM	17.55	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	37.10	TĂNG	GIẢM	37.50	36.40	-1.07%			38.98		
DQC	28.75	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-2.71%			30.33		
DRC	27.50	TĂNG	TĂNG	25.85	26.06	6.38%		24.30	22.34	13.17%	
DXG	29.15	TĂNG	GIẢM	28.80	26.82	1.22%			29.38		
ELC	8.99	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.30	GIẢM	TĂNG		16.34			17.70	14.10	-7.91%	
FIT	4.18	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-2.11%			4.98		
FMC	26.30	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	24.06%		24.70	20.98	6.48%	
FPT	45.45	TĂNG	GIẢM	44.55	42.83	2.02%			45.46		
GAS	112.10	TĂNG	TĂNG	101.50	102.30	10.44%		103.00	83.67	8.83%	
GEX	29.00	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-3.65%	
GIL	40.55	TĂNG	GIẢM	41.65	36.71	-2.64%		34.90	45.89	31.49%	

We Create Fortune

GMD	26.50	TĂNG	GIẢM	25.40	24.87	4.33%			28.65	
GTN	10.60	GIẢM	TĂNG		11.22			11.20	9.83	-5.36%
HAG	5.98	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	-3.39%
HAX	17.30	TĂNG	GIẢM	16.40	15.98	5.49%			18.40	
HBC	23.95	TĂNG	GIẢM	23.80	21.65	0.63%			27.04	
HDB	38.50	TĂNG	GIẢM	38.20	37.09	0.79%			42.32	
HNG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	0.60%		8.20	14.25	104.88%
HPG	39.65	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	6.59%			42.50	
HSG	12.25	TĂNG	GIẢM	11.35	10.73	7.93%			13.04	
HT1	13.70	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	16.60%		13.00	11.06	5.38%
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.40				6.64	
HVN	38.00	GIẢM	TĂNG		39.50			39.20	31.92	-3.06%
ITD	12.00	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-3.23%
KBC	12.40	TĂNG	GIẢM	12.40	12.33	0.00%	MUA		13.24	
KDH	33.60	TĂNG	TĂNG	30.30	31.97	10.89%		33.40	33.01	0.60%
KSB	31.45	GIẢM	GIẢM		32.29				33.01	
LCG	9.36	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.06%		9.39	8.35	-0.32%
LDG	15.55	TĂNG	TĂNG	15.00	14.27	3.67%			15.06	
LIX	48.60	TĂNG	TĂNG	41.20	46.44	17.96%		44.40	43.73	9.46%
LPB	9.50	TĂNG	GIẢM	9.50	9.43	0.00%	MUA		11.56	
LSS	7.18	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-0.55%			7.75	
MSN	91.20	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	0.66%
MWG	121.90	TĂNG	TĂNG	122.00	117.76	-0.08%		121.00	106.33	0.74%
NKG	14.20	TĂNG	GIẢM	13.70	12.50	3.65%			15.99	
NLG	31.85	TĂNG	TĂNG	31.75	29.88	0.31%			31.83	
NT2	27.90	TĂNG	GIẢM	27.20	26.88	2.57%			28.69	
NTL	9.65	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.76%		10.45	8.94	-7.66%
NTP	48.50	GIẢM	GIẢM		50.59				51.08	
PAC	43.05	TĂNG	TĂNG	40.20	41.62	7.09%			42.18	
PC1	28.00	TĂNG	GIẢM	26.15	25.01	7.07%			28.42	
PDR	25.40	GIẢM	GIẢM		26.24				28.77	
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68	
PHR	26.50	TĂNG	TĂNG	21.90	25.24	21.00%		24.00	21.67	10.42%
PLX	70.70	TĂNG	TĂNG	60.50	67.56	16.86%		68.00	57.13	3.97%
PNJ	99.40	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-4.33%
POW	15.30	TĂNG	TĂNG	13.00	14.22	17.69%		14.10	11.31	8.51%
PPC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	0.00%			19.21	
PTB	58.90	GIẢM	TĂNG		59.89			64.00	53.16	-7.97%
PVD	17.50	TĂNG	TĂNG	15.75	15.82	11.11%		16.35	11.96	7.03%
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	29.90	30.04	6.69%			32.96	
PVS	23.30	TĂNG	TĂNG	17.00	20.66	37.06%		20.90	16.39	11.48%
PXS	6.52	TĂNG	TĂNG	6.17	5.69	5.67%		6.19	4.60	5.33%
RAL	97.70	TĂNG	GIẢM	91.00	85.23	7.36%			100.14	

We Create **Fortune**

REE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-2.47%	
SAB	220.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.77%			233.02		
SAM	7.96	TĂNG	TĂNG	7.16	7.57	11.17%		7.75	7.59	2.71%	MUA
SBV	22.90	GIẢM	GIẢM		24.56				27.76		
SCR	9.47	TĂNG	GIẢM	9.47	9.45	0.00%	MUA		10.30		
SHI	6.21	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-11.16%	
SJS	19.30	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.95	TĂNG	TĂNG	23.70	22.99	5.27%		23.10	20.01	8.01%	
SSI	32.25	TĂNG	GIẢM	29.55	30.57	9.14%			34.19		
STB	12.55	TĂNG	GIẢM	11.20	11.55	12.05%			12.71		
SVC	40.00	GIẢM	GIẢM		44.52				48.38		
TCB	26.60	TĂNG	GIẢM	26.60	26.36	0.00%	MUA		N/A		
TCM	30.00	TĂNG	TĂNG	17.80	25.95	68.54%		21.60	19.48	38.89%	
TDH	11.20	GIẢM	GIẢM		11.59				12.95		
TLH	7.19	GIẢM	GIẢM		7.34				8.11		
TMT	9.22	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	21.32%		9.29	7.28	-0.75%	MUA
TNG	15.40	TĂNG	TĂNG	10.80	12.43	42.59%		12.00	10.54	28.33%	
TYA	10.30	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	63.30	TĂNG	GIẢM	64.00	60.85	-1.09%			64.41		
VFG	35.30	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	2.64%	
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	5.59%			21.13		
VHM	104.60	GIẢM	N/A		108.20						
VIB	27.50	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67		
VIC	98.60	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-11.57%	
VIP	6.92	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	149.40	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-4.23%	
VNM	137.80	TĂNG	GIẢM	132.00	131.56	4.39%			139.87		
VPB	24.95	GIẢM	GIẢM		25.54				31.20		
VRC	22.70	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	27.89%		19.35	19.68	17.31%	
VRE	37.00	GIẢM	GIẢM		38.54				44.98		
VSC	42.60	TĂNG	TĂNG	42.90	39.12	-0.70%		35.30	35.61	20.68%	
VSH	17.40	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.00%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	995.54	0.21
VN30	962.70	0.31
VN Mid	1,039.58	0.67
VN Small	838.49	0.67

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	114.20	0.53
HN30	209.96	0.82
VNX AllSh	1,398.54	0.36

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	52.46	0.93

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	589.25	
Bán	546.70	
GT rỗng	42.55	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	47.68	
Bán	22.01	
GT rỗng	25.67	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.85	
Bán	75.84	
GT rỗng	(42.99)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
RAL	6300	6.89%
STK	1000	6.85%
DLG	180	6.67%
BCG	400	5.71%
QCG	440	5.39%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	1400	10.00%
NVB	400	4.71%
HUT	200	3.92%
SHB	200	2.38%
PVS	500	2.19%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	1200	10.34%
CTR	1600	6.67%
BSR	1000	5.59%
LPB	400	4.40%
SDI	2200	3.81%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	-290	-5.28%
GMC	-1,500	-4.11%
PAC	-1,150	-2.60%
FMC	-650	-2.41%
PHR	-600	-2.21%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-1,900	-3.78%
TV2	-3,000	-2.36%
SHS	-200	-1.21%
NDN	-100	-0.68%
AMV	-100	-0.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	-1000	-1.18%
GEG	-100	-0.83%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	314,694	
VHM	280,287	
VNM	239,970	
VCB	227,739	
GAS	214,554	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,780	
VCS	15,760	
PVS	10,408	
SHB	10,347	
VGC	8,474	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	182,879	
BSR	58,599	
MCH	53,674	
HVN	47,480	
POW	35,831	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	11.80	5.88
HSG	9.11	3.52
VPB	7.59	4.40
DLG	7.06	1.09
FLC	5.95	10.56

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	16.32	7.38
PVS	7.14	6.72
VGC	3.70	1.82
HUT	3.25	1.30
VCG	2.92	1.24

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	8.28	2.12
LPB	4.27	1.44
POW	2.62	1.78
OIL	2.37	0.76
VGT	1.87	0.69

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

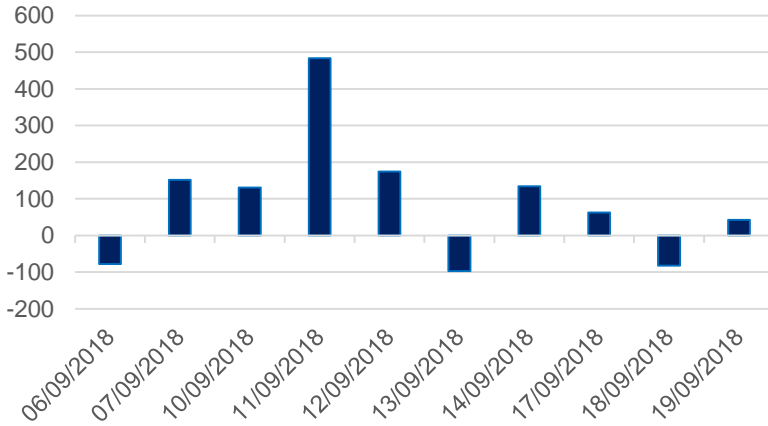
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

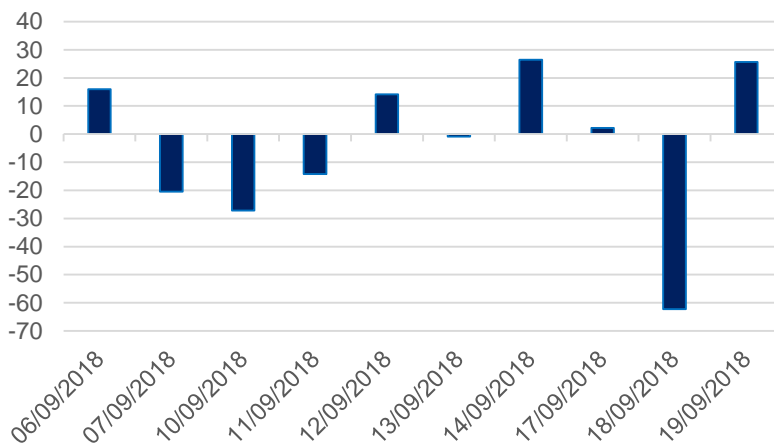
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	33,366	VRE	(37,327)
STB	30,424	PVD	(20,746)
GAS	23,497	VIC	(20,485)
KDC	22,185	HPG	(18,852)
DXG	20,823	MSN	(16,239)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

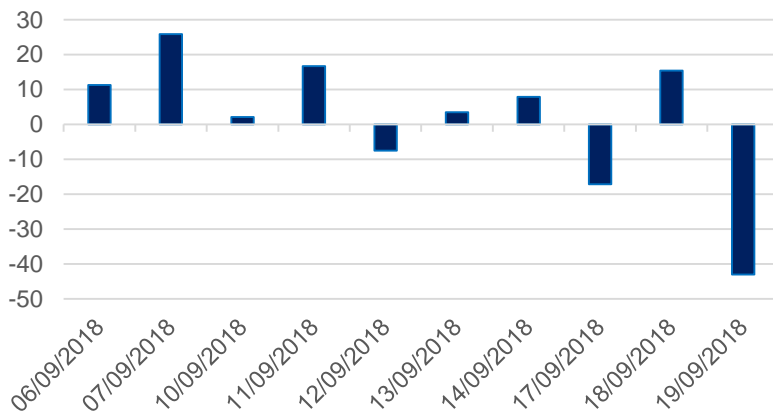
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	13,867	BVS	(611)
VGC	8,054	VCS	(558)
MBS	1,962	SHS	(479)
CEO	1,351	PVG	(111)
SHB	874	NTP	(91)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	13,701	BSR	(49,875)
VEA	7,160	VGT	(6,359)
ICC	230	HVN	(3,812)
HNI	125	LTG	(1,656)
NS3	109	ACV	(1,350)

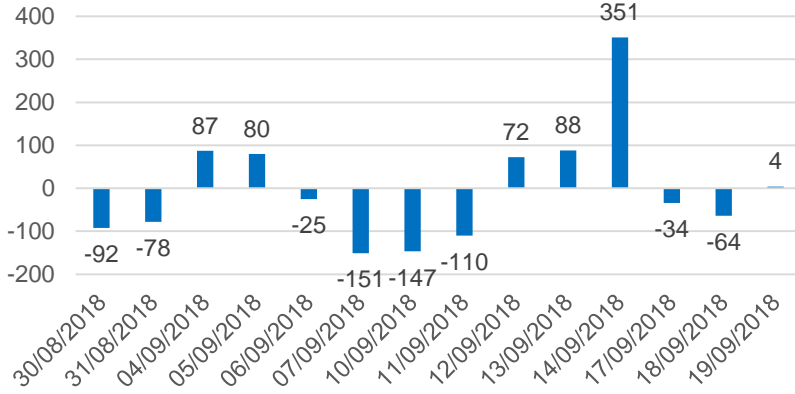
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

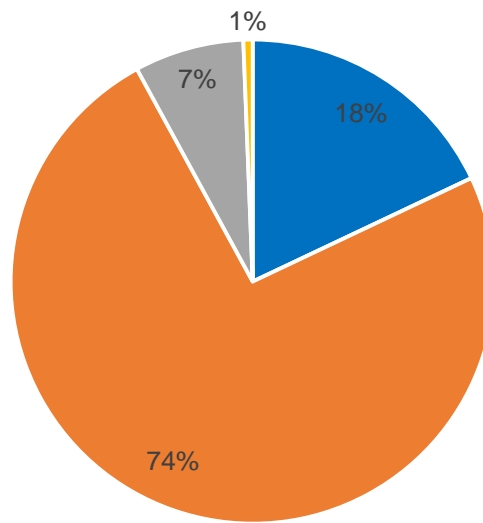


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>NVL</b>	35,538	<b>VIC</b>	43,792
<b>MWG</b>	17,099	<b>THI</b>	37,998
<b>HPG</b>	9,709	<b>NVL</b>	33,352
<b>SSI</b>	9,406	<b>PNJ</b>	3,100
<b>VIC</b>	8,705	<b>E1VFN30</b>	2,382

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



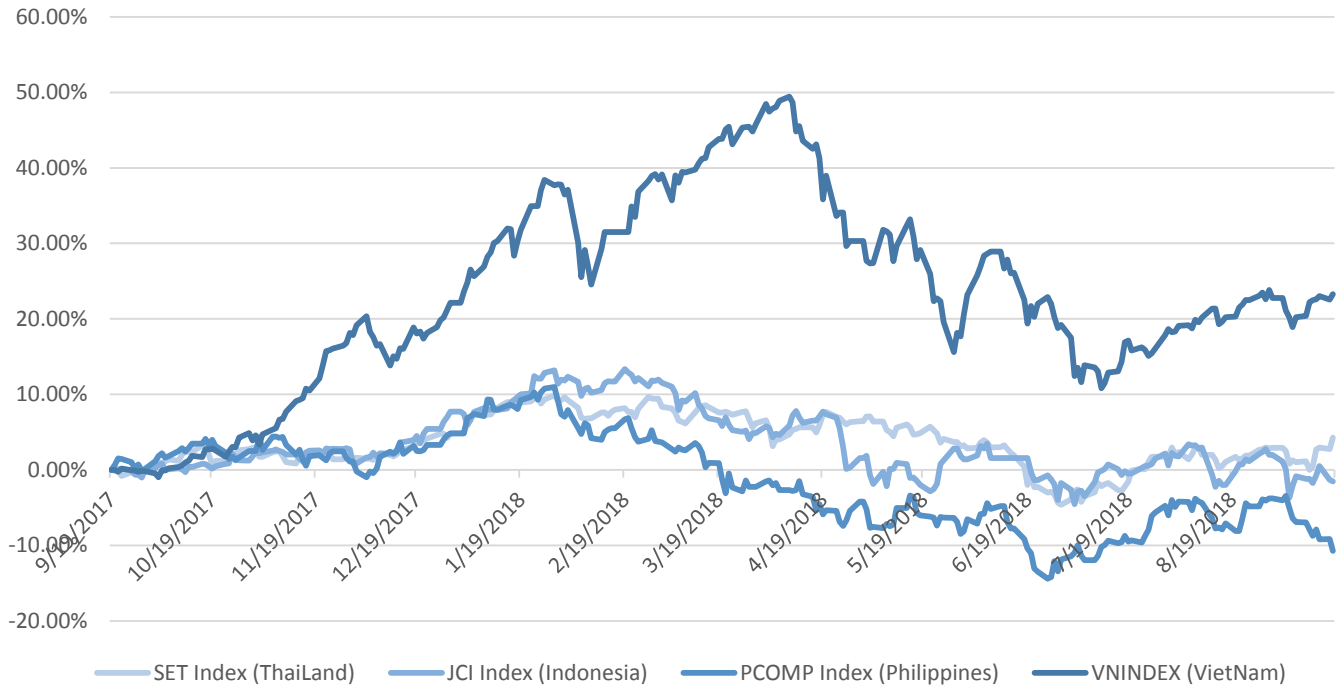
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

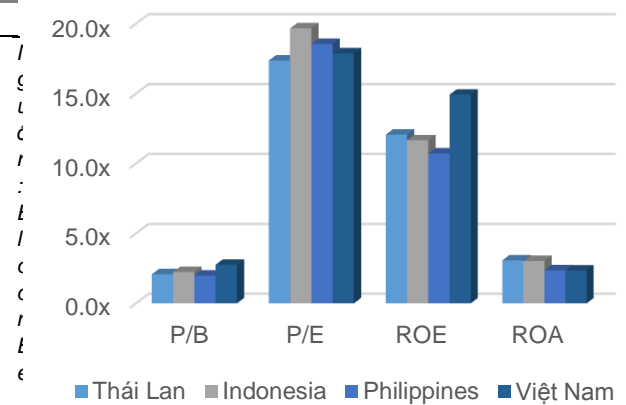
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.2x	2.0x	2.8x
P/E		17.4x	19.7x	18.5x	17.9x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.93
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	542.18	441.77	170.13	136.24
GTGD	Triệu USD	2.22	0.36	0.09	0.16
LS cổ tức	%	3.01	2.32	1.63	2.09

ng & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written